

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Văn bản số 25/HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thỏa thuận thống nhất về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 94/TTr-STC ngày 26/02/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

2. Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, xã hội, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, ngoại giao, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và các lĩnh vực khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định như sau:

TT	NHIỆM VỤ ĐẶC THÙ	Diện tích tối đa (m ²)		
		Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh	UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND xã, phường, thị trấn
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	70	100	60
2	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân	50	60	50
3	Diện tích sử dụng cho quản trị hệ thống công nghệ thông tin	50	45	40
4	Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên)	Theo quy mô, biên chế được duyệt và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam		
5	Kho chuyên ngành: Kho lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho bảo quản các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị	200	250	100
6	Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị (nếu có)	Theo chức năng nhiệm vụ đặc thù và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam		

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 3 năm 2019.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xây dựng trụ sở trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng chưa đúng theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 3 Quyết định này:

a) Nếu còn thiếu theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 3 Quyết định này thì không xây dựng bổ sung diện tích chuyên dùng mà bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, thủ trưởng đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

b) Nếu vượt diện tích theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 3 Quyết định này thì bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo sử dụng hiệu quả, hết công năng của trụ sở làm việc (bố trí thêm cơ quan khác nếu có thể).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP+CV;
- Tung tâm TT-CB;
- Lưu: VT, K14. *he*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Cao Thắng
Phan Cao Thắng